TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2024/QĐST- HNGĐ	*Tân Phú, ngày 16 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1130/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Bùi Quốc V, sinh năm 1974; Địa chỉ: 8 T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1977; Địa chỉ: 8 T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà T tự nguyện chung sống vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quãng Ngãi theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 11/02/2000.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng càng về sau giữa vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng quan điểm, từ đó gây nên nhiều mẫu thuẫn, cãi vã. Hai bên đã cố gắng nhường nhịn, tìm cách giải quyết để nhằm mục đích cùng nhau xây dựng hạnh phú gia đình nhưng không có kết quả. Nay hai bên nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông V và bà T có 02 con chung tên Bùi Lê Hoài T1, sinh ngày 03/9/2000; Bùi Lê Hoài A, sinh ngày 18/10/2008. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận bà T trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Lê Hoài A, sinh ngày 18/10/2008. Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Bùi Lê Hoài T1, sinh ngày 03/9/2000 đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Ông V và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Ông V và bà T cùng khai không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Quốc V và bà Lê Thị Kim T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Bùi Quốc V và bà Lê Thị Kim T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quãng Ngãi cấp ngày 11/02/2000) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Đối với con chung tên Bùi Lê Hoài T1, sinh ngày 03/9/2000 đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị Kim T trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Lê Hoài A, sinh ngày 18/10/2008. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Bùi Quốc V do bà T không yêu cầu.

+ Ông Bùi Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Bùi Quốc V và bà Lê Thị Kim T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Bùi Quốc V và bà Lê Thị Kim T xác nhận không có nợ chung.

2. Lệ phí giải quyết về yêu cầu hôn nhân gia đình: Ông Bùi Quốc V và bà Lê Thị Kim T chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông V và bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0007320 ngày 27/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyết Nhung